**1. MỞ ĐẦU**

**1.1. Lí do chọn đề tài**

Kì thi Trung học phổ thông (THPT) quốc gia đã được Bộ Giáo dục và đào tạo phê chuẩn và tổ chức lần đầu tiên vào tháng 7 năm 2015. Ngoài ba môn thi bắt buộc Toán, Văn, Ngoại ngữ thì Địa lí là môn học có tỉ lệ học sinh lựa chọn nhiều nhất để tính điểm xét tốt nghiệp hoặc cả xét tốt nghiệp và đại học. Có nhiều yếu tố dẫn đến tỉ lệ học sinh chọn môn Địa lí năm vừa rồi lên tới gần 50% phải kể đến vì kiến thức của môn này được đánh giá là khá thiết thực và nó gần gũi với cuộc sống thường ngày của các em.

Cũng theo cấu trúc đề thi THPT quốc gia môn Địa lí năm 2015 gồm 2 phần rõ rệt: Lí thuyết và thực hành, trong đó câu hỏi lí thuyết chiếm khoảng 60% tổng số điểm bài thi. So với câu hỏi thực hành, cơ hội giành điểm cho loại câu hỏi này khó hơn bởi kiến thức rộng, khả năng định dạng và xử lí câu hỏi của học sinh chưa thật tốt. Vì vậy, ở câu trả lời của các em chỉ mang tính chất chung chung, chưa có trọng tâm, trọng điểm. Thậm chí, một số câu hỏi lí thuyết khó như phân tích, chứng minh, giải thích diễn ra tình trạng học sinh để trắng do không biết định hướng câu hỏi và cách giải đáp, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và điểm số bài thi của các em. Thực trạng này cũng đã và đang diễn ra ngay tại lớp 12B2 mà tôi đang tham gia ôn luyện. Là một giáo viên trực tiếp đứng trên bục giảng, với tâm huyết nghề giáo bản thân tôi đã luôn trăn trở và đưa ra nhiều giải pháp nhằm giúp các em biết cách nhận dạng đúng và trả lời trúng loại câu hỏi lí thuyết, từ đó đem lại kết quả cao nhất trong quá trình học và nhất là trong kì thi THPT quốc gia sắp tới.

Xuất phát từ những lí do trên, tôi đã mạnh dạn đưa ra và áp dụng kinh nghiệm "*Hướng dẫn học sinh cách nhận dạng và giải loại câu hỏi lí thuyết nhằm nâng cao hiệu quả ôn tập kì thi THPT quốc gia môn Địa lí"*.

**1.2. Mục đích nghiên cứu**

Sáng kiến này nhằm mục đích hướng dẫn học sinh cách nhận dạng và giải loại câu hỏi lí thuyết nhằm nâng cao hiệu quả ôn tập kì thi THPT quốc gia. Cũng qua đó, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn trong nhà trường.

**1.3. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài này chủ yếu tập trung vào đối tượng học sinh lớp 12 đang chuẩn bị tham gia kì thi THPT quốc gia. Bên cạnh đó, thiết nghĩ đây cũng là kinh nghiệm hay cho giáo viên và học sinh tham khảo ở các kì thi khác.

**1.4. Phương pháp nghiên cứu**

Để nghiên cứu nội dung này, tôi đã sử dụng một số phương pháp sau đây:

- Phương pháp nghiên cứu xây dựng cơ sở lí thuyết: Nghiên cứu sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo môn Địa lí (đề thi chính thức môn Địa lí năm 2015 của Bộ giáo dục và đào tạo)

- Phương pháp điều tra khảo sát thực tế: Dự giờ, trao đổi với đồng nghiệp, thăm dò ý kiến của học sinh từ đó phân tích nguyên nhân.

- Phương pháp thống kê, xử lí số liệu: Thống kê số liệu về kết quả 2 đợt thi thử THPT quốc gia (trong đó 1 lần thi theo đề của trường và 1 lần thi theo đề của Sở giáo dục và đào tạo Thanh Hóa) để thấy được hiệu quả, tính khả thi của đề tài.

**2. NỘI DUNG SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**

**2.1. Cơ sở lí luận của sáng kiến kinh nghiệm**

**2.1.1. Nội dung chương trình môn Địa lí lớp 12**

Kì thi THPT quốc gia đã được bộ giáo dục tổ chức lần đầu tiên vào đầu tháng 7 năm 2015 với 3 môn thi bắt buộc (toán, văn, ngoại ngữ), Địa lí là một trong 5 môn học sinh lựa chọn để tính điểm xét tốt nghiệp hoặc xét tốt nghiệp và đại học.

Căn cứ vào đề thi thử THPT quốc gia và đề thi chính thức THPT quốc gia của bộ Giáo dục và đào tạo dễ nhận thấy môn Địa lí chủ yếu dựa vào kiến thức học sinh đã học ở lớp 12. Về cơ bản có hai khối kiến thức là: *khối kiến thức lí thuyết và khối kiến thức thực hành:*

Về *khối kiến thức lí thuyết* tập trung vào 4 chủ đề:

- Địa lí tự nhiên

- Địa lí dân cư

- Địa lí kinh tế

- Địa lí các vùng kinh tế

Mỗi chủ đề lại được chia thành các chủ điểm nhỏ. Các câu hỏi lí thuyết trong đề thi sẽ được định hình theo các chủ đề hoặc chủ điểm đã có.

Về *khối kiến thức thực hành* có nhiệm vụ hỗ trợ cho khối kiến thức lí thuyết giúp học sinh rèn luyện kĩ năng và giảm thiểu việc ghi nhớ kiến thức máy móc. Nội dung thực hành trong chương trình khá nhiều nhưng trong đề thi chỉ tập trung vào:

- Kĩ năng vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích

- Kĩ năng sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam

**2.1.2. Cấu trúc đề thi THPT quốc gia môn Địa lí**

Cấu trúc đề thi có ý nghĩa rất quan trọng trong việc học - ôn tập của các em. Cấu trúc đề thi phải dựa vào chương trình, sách giáo khoa và chuẩn kiến thức, kĩ năng. Kiến thức để đưa vào đề thi môn Địa lí gần như nằm trong chương trình lớp 12.

Bám theo đề thi chính thức môn Địa lí trong kì thi THPT quốc gia năm 2005 *(phần phụ lục)* có thể rút ra cấu trúc đề thi cụ thể như sau:

**Câu I (2,0 điểm)** là câu thuần túy về lí thuyết gồm 2 câu hỏi nhỏ:

***Câu I.1. (1,0 điểm)*** câu hỏi sẽ nằm trong *chủ đề Địa lí tự nhiên* gồm các chủ điểm: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ; đặc điểm chung của tự nhiên (Đất nước nhiều đồi núi, thiên nhiên chịu ảnh hướng sâu sắc của biển, thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên nhiên phân hóa đa dạng); vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên (Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai).

***Câu I.2. (1,0 điểm)*** câu hỏi nằm trong *chủ đề Địa lí dân cư* với 3 chủ điểm: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư; lao động và việc làm; đô thị hóa.

**Câu II (2,0 điểm)** là câu hỏi thực hành gắn với kĩ năng *sử dụng Atlat địa lí Việt Nam*, câu II được phân thành II.1, II.2 với thang điểm 1,0 điểm cho mỗi câu hỏi. Ở trong đề thi năm 2015 dạng câu hỏi Atlat chỉ dừng ở mức độ đọc Atlat và được đánh giá là câu hỏi "cứu điểm" cho học sinh

**Câu III (3,0 điểm)** là dạng câu hỏi thực hành với kĩ năng  *vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích* các hiện tượng địa lí từ biểu đồ đã vẽ. Câu III gồm 2 câu hỏi nhỏ: Vẽ biểu đồ (2,0 điểm) (gồm các dạng biểu đồ cột, tròn, miền, đường và kết hợp); nhận xét và giải thích các hiện tượng địa lí (1,0 điểm). Câu này chính là cơ hội giúp học sinh dễ dàng đạt điểm tuyệt đối ở phần vẽ biểu đồ.

**Câu IV (3,0 điểm)** là câu hỏi lí thuyết và là câu hỏi dùng để phân hóa các đối tượng học sinh. Câu hỏi này tập trung vào 2 chủ đề: *Địa lí các ngành kinh tế* (Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp, một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp, một số vấn đề phát triển và phân bố ngành dịch vụ) và *Địa lí các vùng kinh tế* (Vấn đề khai thác thế mạnh ở trung du và miền núi Bắc Bộ, vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở đồng bằng sông Hồng, vấn đề phát triển kinh tế-xã hội ở Bắc Trung Bộ, vấn đề phát triển kinh tế-xã hội ở duyên hải Nam Trung Bộ, vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên, vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long); vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở biển Đông và các đảo, quần đảo; các vùng kinh tế trọng điểm.

Việc nắm được cấu trúc đề thi và thang điểm cho từng câu, ý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên cũng như học sinh trong quá trình ôn luyện. Đây cũng là cơ sở để giáo viên định hướng về khối lượng kiến thức và thời gian ôn tập cho học sinh theo từng chủ đề, chủ điểm.

**2.1.3. Cách phân loại câu hỏi**

Để đạt kết quả cao trong kì thi THPT quốc gia ngoài việc yêu cầu học sinh phải nắm chắc kiến thức, thuần thục về kĩ năng, các em còn phải biết cách làm bài. Cùng một vấn đề, hiện tượng địa lí nhưng có nhiều cách đặt câu hỏi khác nhau, các em sẽ phải định hướng câu trả lời như thế nào để có thể đạt điểm tuyệt đối, đây cũng chính là trăn trở của nhiều giáo viên và mong muốn của học sinh trong quá trình ôn tập.

Vậy có bao nhiêu loại câu hỏi trong đề thi THPT quốc gia môn Địa lí? Theo tài liệu "Bồi dưỡng năng lực thi trung học phổ thông quốc gia qua đề tham khảo môn Địa lí - Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ chủ biên" đã phân chia thành 2 loại câu hỏi chính sau:

- Loại câu hỏi lí thuyết: gồm các dạng câu hỏi giải thích, dạng câu hỏi chứng minh, dạng câu hỏi so sánh, dạng câu hỏi thuộc bài (nêu, trình bày)

- Loại câu hỏi thực hành: gồm câu hỏi liên quan đến Atlat Địa lí Việt Nam và câu hỏi vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích.

Như vậy, căn cứ vào cấu trúc đề thi THPT quốc gia, loại câu hỏi lí thuyết chiếm khoảng 60% tổng số điểm bài thi. Ở trong phạm vi sáng kiến kinh nghiệm này xin chỉ tập trung vào cách nhận dạng và giải loại câu hỏi lí thuyết nhằm nâng cao hiệu quả ôn tập cho học sinh.

**2.2. Thực trạng vấn đề trước khi áp dụng sáng kiến kinh nghiệm**

Năm học 2015-2016 trường THPT Đinh Chương Dương có 198 em tham gia vào kì thi THPT quốc gia, ngoài 3 môn bắt buộc là toán, văn, ngoại ngữ thì Địa lí có tới 158 em lựa chọn (chiếm 79,8%)là môn thi thứ tư. Sau khi thăm dò ý kiến về lựa chọn của mình nhiều em cho rằng: "*Môn Địa lí được đánh giá là khá dễ ăn điểm hơn các môn học khác, hơn nữa quyết định thí sinh được đem Atlat vào phòng thi của Bộ giáo dục và đào tạo lại càng làm cho các em có động lực để lựa chọn môn này"*. Như vậy, với học sinh việc lựa chọn môn Địa lí được coi là*"giải pháp an toàn nhất".*

Tuy nhiên, thực tế cho rằng khoảng cách từ lựa chọn đến đích là kết quả môn thi cao rất xa bởi nhiều em với tâm lí "đám đông", "a dua" lựa chọn theo bạn mà không biết rằng mình đang có "lỗ hổng" lớn về kiến thức lí thuyết bộ môn và nhất là kĩ năng làm bài hầu như chưa có. Ngay cả trong lần thi thử gần nhất theo đề của Sở giáo dục và đào tạo, ở các câu hỏi lí thuyết (câu I, IV) nhiều em do không định hướng được trọng tâm câu hỏi nên việc trả lời rất mơ hồ, lan man. Ví dụ ở câu 4 ý 2 "*Phân tích những thuận lợi và khó khăn về tài nguyên khoáng sản đối với việc phát triển công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ",* học sinh thường mắc vào một số lỗi sau:

- Chưa định dạng được đây là câu hỏi phân tích và cách trả lời câu hỏi phân tích

- Một số em, do không đọc kĩ đề nên câu trả lời rất lan man, đưa một loạt những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên của vùng vào bài làm mà không nhấn mạnh trọng tâm câu hỏi là tài nguyên khoáng sản.

Hay như ở câu hỏi khó "*Tại sao trong cơ cấu hàng hóa luân chuyển của nước ta, vận tải đường biển luôn chiếm tỉ trọng cao nhất"* nhiều em còn để "trắng" do không tìm được lí do, dẫn đến tình trạng vẫn còn điểm dưới 5 nhiều: 20 em (chiếm 12,5%).

Lí giải về nguyên nhân khiến các em có tâm lí e ngại về phần kiến thức lí thuyết là do:

- Phạm vi kiến thức rộng có tới 4 chủ đề lớn: Địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế và các địa lí vùng kinh tế (mỗi chủ đề lại gồm nhiều chủ điểm nhỏ).

- Nhiều em chưa có phương pháp học, thường là "học vẹt" nên kiến thức không nhớ được lâu và sâu.

- Chưa nắm được cách phân loại câu hỏi lí thuyết và cách giải các loại câu hỏi này nênviệc trả lời còn mang tính chất chung chung, chưa nhấn mạnh được trọng tâm câu hỏi thậm chí là "lạc đề"

- Nhiều em thiếu kĩ năng làm và trình bày bài, việc bỏ sót ý và trình bày cẩu thả là nguyên nhân khiến các em dễ mất điểm.

Đứng trước thực trạng trên với mong muốn giúp các em có cơ hội giành điểm cao ở các loại câu hỏi lí thuyết tôi đã mạnh dạn rút ra một vài kinh nghiệm trong việc nhận dạng và giải loại câu hỏi lí thuyết nhằm nâng cao hiệu quả ôn tập kì thi THPT quốc gia môn Địa lí.

**2.3. Các giải pháp đã sử dụng để giải quyết vấn đề**.

Trong phần này xin đưa ra một số dấu hiệu để nhận dạng các loại câu hỏi lí thuyết, cách làm bài và ví dụ minh họa cho từng loại câu hỏi.

**2.3.1. Dạng câu hỏi thuộc bài**

Câu hỏi thuộc bài thường bắt đầu bằng các danh động từ như "Nêu", "Trình bày", đây cũng chính là dấu hiệu để học sinh nhận dạng câu hỏi. Ví dụ trong đề thi chính thức THPT quốc gia môn Địa lí năm 2015 câu I thuộc dạng câu hỏi thuộc bài: Ý1 "*Nêu đặc điểm sông ngòi Việt Nam", ý 2 "Trình bày đặc điểm nguồn lao động nước ta".* Đối với dạng câu hỏi này điều kiện tiên quyết là học sinh phải tái hiện, sắp xếp (đôi khi cả chọn lọc) kiến thức cơ bản và trình bày theo yêu cầu câu hỏi. Điều này chủ yếu nhằm làm cho bài làm đúng trọng tâm và thêm mạch lạc. Quay trở lại với câu I.1. yêu cầu học sinh phải trả lời được các ý sau:

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc: Chỉ tính những con sông dài trên 10 km thì nước ta có tới 2360 con sông. Đi dọc bờ biển, cứ 20 km gặp 1 cửa sông. Sông nước ta nhiều nhưng chủ yếu là sông nhỏ.

- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa: Tổng lượng nước là 839 tỉ m3/ năm (trong đó 60% lượng nước là từ lưu vực ngoài lãnh thổ), tổng lượng phù sa khoảng 200 triệu tấn.

- Chế độ nước theo mùa: Nhịp điệu dòng chảy theo sát nhịp điệu mùa. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

Còn ở câu I.2: *Đặc điểm nguồn lao động nước ta*, học sinh sẽ trình bày như sau:

- Nước ta có nguồn lao động đông, dồi dào: Năm 2005 dân số hoạt động kinh tế 42,53 triệu người (chiếm 51,2 % tổng số dân), trung bình mỗi năm nước ta có thêm 1 triệu lao động mới.

- Lao động nước ta cần cù, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm sản xuất phong phú được tích lũy qua nhiều thế hệ.

- Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên nhờ những thành tựu phát triển văn hóa, giáo dục và y tế. Tuy nhiên, so với yêu cầu xã hội, lực lượng lao động có trình độ cao vẫn còn ít đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lí và công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.

Ở 1 ví dụ khác: *Nêu tác động của quá trình đô thị hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.* Học sinh chỉ cần đọc kĩ đề và tái hiện lại kiến thức bài 18 - đô thị hóa:

- Các đô thị có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các vùng trong nước. Năm 2005 khu vực đô thị đóng góp 70,4% GDP cả nước, 84% GDP công nghiệp – xây dựng, 87% GDP dịch vụ và 80% ngân sách nhà nước.

- Các thành thị, thị xã là các thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng, là nơi sử dụng đông đảo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật; có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có sức hút đối với đầu tư trong nước và ngoài nước, tạo ra động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Các đô thị có khả năng tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa cũng nảy sinh những hậu quả cần phải có kế hoạch khắc phục như: vấn đề ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự xã hội…

Như vậy, đối với dạng câu hỏi thuộc bài thì việc học sinh hiểu và nắm vững kiến thức chính là điều kiện cần và đủ để học sinh giành điểm tuyệt đối.

**2.3.2. Dạng câu hỏi chứng minh**

Dạng câu hỏi chứng minh sẽ xuất hiện cụm từ "chứng minh" trong câu hỏi. So với dạng câu hỏi thuộc bài, dạng câu hỏi này có yêu cầu cao hơn về mức độ nhận thức, tư duy. Ngay trong đề thi THPT quốc gia năm 2015, xuất hiện ở câu IV.2. *Chứng minh rằng nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển.*

 Đối với dạng chứng minh, ngoài lượng kiến thức còn phải sử dụng các số liệu chủ yếu liên quan tới yêu cầu câu hỏi. Tất nhiên, mọi dạng câu hỏi ít nhiều đều cần phải có số liệu để minh hoạ, nhưng dạng câu hỏi chứng minh lại đòi hỏi nhiều hơn. Khi cần phải chứng minh một điều gì đó, nhất là về phương diện địa lí kinhtế - xã hội thì số liệu thống kê trở thành một trong những công cụ đắc lực nhất.

Để học sinh dễ học, dễ nhớ và dễ ôn luyện, dạng câu hỏi chứng minh được chia thành: Chứng minh *hiện trạng* và chứng minh *tiềm năng*

a. *Câu hỏi chứng minh hiện trạng*

Trước hết, hiểu hiện trạng chính là cái thực tế đã và đang diễn ra, dạng câu hỏi này bao trùm ở các chủ đề: Địa lí kinh tế (Ví dụ: *Chứng minh cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng; chứng minh hoạt động ngoại thương nước ta từ sau Đổi mới có nhiều chuyển biến tích cực; chứng minh sản xuất công nghiệp nước ta có sự phân hóa về mặt lãnh thổ*...); Địa lí các vùng kinh tế (Ví dụ: *Chứng minh đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số lớn nhất nước ta; chứng minh vùng duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh về nghề cá; chứng minh Đông Nam Bộ là vùng có ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất cả nước*...)

Với kiểu câu hỏi này, yêu cầu học sinh trong quá trình làm bài cần theo quy trình với 2 bước cơ bản sau:

- Đọc kĩ câu hỏi để định hướng nội dung câu hỏi trả lời

- Chọn lọc kiến thức và số liệu có liên quan theo yêu cầu câu hỏi để đưa ra các dẫn chứng thuyết phục nhất.

Ví dụ minh họa: *Chứng minh cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa?*

Căn cứ vào quy trình đã hướng dẫn, các em cần xác định được đây là câu hỏi chứng minh hiện trạng, sau khi đọc kĩ câu hỏi phải suy nghĩ xem nên chọn lọc những kiến thức nào (Các biểu hiện của cơ cấu lãnh thổ kinh tế: vùng kinh tế năng động, khu kinh tế động lực (khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu), vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng trọng điểm kinh tế), số liệu nào (dẫn chứng số lượng về khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển, giá trị GDP của 3 vùng kinh tế trọng điểm...) để làm sáng tỏ nội dung "*cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta đang có sự chuyển dịch"*, có thể tham khảo cách trả lời sau:

Cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế, các vùng chuyên canh và khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có quy mô lớn.

- Trên phạm vi cả nước đã nổi lên các vùng phát triển năng động như: Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Các vùng này cùng với các trung tâm kinh tế lớn như: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ có vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế theo lãnh thổ của đất nước

Dẫn chứng: Năm 2007, so với GDP cả nước thì tỉ trọng của Đông Nam Bộ là 32,3 %, đồng bằng sông Hồng là 23 %, đồng bằng sông Cửu Long 17,6 %, như vậy, riêng 3 vùng này đã chiếm 72,9 % GDP của cả nước.

- Các khu kinh tế động lực (khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển) cũng đã được hình thành và có tác động lớn đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đất nước nói chung và các tỉnh biên giới nói riêng.

Dẫn chứng:

+ Dọc bờ biển Việt Nam đã hình thành 14 khu kinh tế ven biển, tập trung nhiều nhất khu vực duyên hải miền Trung (10 khu). Các khu kinh tế ven biển được hình thành trên cơ sở phát triển đa ngành, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế nói chung, đặc biệt là các vùng nghèo ven biển, tạo tiền đề thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

+ Tại các tỉnh biên giới đã hình thành 17 khu kinh tế cửa khẩu, việc xuất hiện các khu kinh tế cửa khẩu có vai trò rất lớn trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của khu vực biên giới.

- Các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành: Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Sự ra đời và phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển chung của quốc gia.

Dẫn chứng: 3 vùng kinh tế trọng điểm chỉ chiếm 22,3 % diện tích, 41,6 % dân số cả nước nhưng chiếm tới 61,9 % GDP (năm 2007).

- Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng nông nghiệp sản xuất hàng hóa.

Dẫn chứng:

+ Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và trung du và miền núi Bắc Bộ là 3 vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước, giá trị sản xuất cây công nghiệp của 3 vùng chiếm khoảng 70 % cả nước.

+ Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long chuyên môn hóa sản xuất lương thực, thực phẩm, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản chiếm 40,7 % cả nước (năm 2007).

- Trong công nghiệp: nhiều trung tâm công nghiệp được hình thành, hàng trăm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ra đời và mở rộng về qui mô sản xuất.

Dẫn chứng: Đông Nam Bộ là vùng có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước (55,6 % giá trị sản xuất công nghiệp cả nước).

*b. Câu hỏi chứng minh tiềm năng*

Đây là dạng câu hỏi xuất hiện khá nhiều trong các đề thi trước năm 2015, câu hỏi thường liên quan đến tiềm năng phát triển của một ngành hay một vùng kinh tế nào đó, ví dụ như: *Chứng minh nước ta có nhiều tiềm năng về tự nhiên để phát triển ngành khai thác thủy sản; chứng minh điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cho phép nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới; chứng minh Tây Nguyên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp lâu năm*...

So với câu hỏi chứng minh hiện trạng, câu hỏi chứng minh tiềm năng được cho là dễ hơn, bởi học sinh có thể giải câu này theo mẫu nguồn lực: vị trí địa lí, tự nhiên (địa hình, đất, nước, khí hậu, khoáng sản, biển, rừng), kinh tế - xã hội (dân cư, lao động, cơ sở vật chất kĩ thuật, thị trường, chính sách, lịch sử khai phá lãnh thổ). Học sinh cần căn cứ vào yêu cầu đề bài để lựa chọn các nguồn lực và dẫn chứng.

Ví dụ ở câu hỏi: *Chứng minh Tây Nguyên có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây công nghiệp lâu năm* học sinh xác định trọng tâm câu hỏi là "điều kiện tự nhiên thuận lợi" và "phát triển cây công nghiệp lâu năm". Vậy mẫu nguồn lực sẽ làm là: địa hình, đất, khí hậu, nguồn nước. Tham khảo đáp án sau:

- Địa hình: Tây Nguyên bao gồm một hệ thống các cao nguyên bazan xếp tầng như Kon Tum, Di Linh, Mơ Nông, Đăk Lăk, Pleiku, Lâm Viên bề mặt tương đối bằng phẳng và rộng lớn thuận lợi cho việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp có qui mô lớn

- Đất: chủ yếu là đất đỏ bazan tầng phong hóa sâu, giàu chất dinh dưỡng, thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm

- Khi hậu: cận xích đạo, nóng quanh năm với 2 mùa mưa, khô rõ rệt thuận lợi cho việc phơi sấy và bảo quản sản phầm

Ngoài ra, khí hậu còn có sự phân hóa theo độ cao, ở các cao nguyên thấp như Đăk Lăk, Mơ Nông, PleiKu có thể trồng cà phê vối cho năng suất cao và ổn định, còn các cao nguyên có độ cao trên 500m khí hậu mát mẻ thì trồng cà phê chè và cây chè.

- Nguồn nước: dồi dào được cung cấp từ các con sông như: Xê Xan, X rê-pok

Tuy nhiên, vùng cũng gặp nhiều khó khăn về nguồn nước tưới cho cây công nghiệp, nhất là vào mùa khô

Hoặc 1 ví dụ khác: *Chứng minh nước ta có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp điện?* Nếu như ở loại câu hỏi chứng minh tiềm năng tự nhiên phát triển nông nghiệp thì các yếu tố nguồn lực như: địa hình, đất, khí hậu là tiên quyết thì ở câu hỏi này, học sinh phải nhận thức được rằng điều kiện tự nhiên để phát triển ngành công nghiệp chính là các loại khoáng sản (than, dầu khí), nguồn thủy năng và một số nguồn năng lượng vô tận khác như: mặt trời, sức gió thủy triều. Như vậy, đáp án của câu hỏi này sẽ là:

- Than: Nguồn than nước ta phong phú như than Antraxit tập trung ở Quảng Ninh với trữ lượng 3 tỉ tấn, than nâu tập trung ở đồng bằng sông Hồng với trữ lượng hàng chục tỉ tấn, than bùn tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long nhất là khu vực U Minh

- Dầu khí: Tập trung ở các bể trầm tích chứa dầu ngoài thềm lục địa với trữ lượng vài tỉ tấn dầu và hàng trăm tỉ m3 khí. 2 bể trầm tích có trữ lượng và tiềm năng khai thác lớn nhất là Cửu Long và Nam Côn Sơn.

- Nguồn thủy năng: dồi dào tập trung chủ yếu trên 2 hệ thống sông là sông Hồng (37 % trữ lượng cả nước), sông Đồng Nai (19 % trữ lượng cả nước)

- Ngoài ra còn có một số nguồn năng lượng tự nhiên khác như: mặt trời, sức gió, thủy triều...

Một ví dụ khác về câu hỏi chứng minh tiềm năng nhưng phạm vi rộng hơn như: *Chứng minh đồng bằng sông Hồng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế?* Câu hỏi chỉ đưa ra "tiềm năng để phát triển kinh tế" nên yêu cầu học sinh phải nêu cả tiềm năng về vị trí địa lí, tự nhiên và kinh tế - xã hội, sườn ý của câu trả lời này như sau:

- Vị trí địa lí: + Giáp với trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, có vùng biển rộng thuận lợi cho giao lưu kinh tế-xã hội với các vùng khác trong cả nước và với cả nước ngoài.

+ Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

+ Có thủ đô Hà Nội là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị lớn của cả nước

- Tự nhiên:

+ Đất: đất nông nghiệp chiếm 51,2 % diện tích đồng bằng, trong đó đất phù sa màu mỡ là 70% thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

+ Nước: phong phú kể cả nguồn nước mặt, nước ngầm và nguồn nước khoáng, thuận lợi cho sản xuất, sinh hoạt và phát triển du lịch.

+ Biển: có khả năng xây dựng cảng biển, phát triển du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản.

+ Khoáng sản: đá vôi, sét, cao lanh, khí tự nhiên thuận lợi cho phát triển ngành công nghiệp.

- Kinh tế - xã hội:

+ Dân cư, lao động: nguồn lao động dồi dào, có truyền thống và kinh nghiệm sản xuất phong phú. Chât lượng lao động đứng đầu cả nước và tập trung phần lớn ở các đô thị.

+ Cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng: đồng bộ và hoàn thiện đặc biệt là mạng lưới giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

+ Các thế mạnh khác: thị trường, chính sách, lịch sử khai phá lãnh thổ sớm nhất cả nước..

Cũng cần lưu ý với học sinh, không phải nhất nhất câu hỏi nào cũng trình bày theo mẫu nguồn lực mà nên linh hoạt với trường hợp đặc biệt sau: *Chứng minh nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi.* Mặc dù về bản chất đây vẫn là câu hỏi chứng minh tiềm năng phát triển nông nghiệp tuy nhiên cần suy nghĩ và vận dụng linh hoạt. Bằng chứng quan trọng để đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính không phải là vị trí địa lí, tự nhiên, mà đó chính là nguồn thức ăn. Như vậy, ở câu hỏi này, học sinh phải trả lời như sau:

- Cơ sở thức ăn: được đảm bảo từ đồng cỏ (là thức ăn chính), hoa màu lương thực, phụ phẩm ngành thủy sản, thức ăn từ công nghiệp chế biến

- Các dịch vụ về giống và thú y có nhiều tiến bộ và phát triển rộng khắp

- Dân cư và lao động có nhiều kinh nghiệm

- Thị trường tiêu thụ rộng lớn

- Chính sách phát triển nhằm đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, đối với câu hỏi chứng minh cần yêu cầu học sinh phải đọc kĩ câu hỏi để định hướng nội dung câu hỏi trả lời từ đó, chọn lọc kiến thức và đặc biệt phải có các số liệu dẫn chứng thuyết phục nhất.

**2.3.3. Dạng câu hỏi giải thích**

Dạng câu hỏi giải thích thường xuất hiện với cụm từ "giải thích", "tại sao" đây là loại câu hỏi khó, dùng để phân loại đối tượng học sinh. Trong đề thi THPT quốc gia năm 2015 cũng đã xuất hiện dạng câu hỏi này câu IV.1. ý 2: *Tại sao các nhà máy thủy điện có công suất hàng đầu của Việt Nam lại tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ,* câu IV.2. ý 2: *Giải thích tại sao việc khai thác tài nguyên biển - đảo có ý nghĩa chiến lược trong công cuộc phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước*?

Để làm tốt dạng câu hỏi giải thích, không chỉ yêu cầu học sinh nắm vững kiến thức mà còn đòi hỏi học sinh tìm tòi, phát hiện ra mối quan hệ biện chứng giữa các đối tượng, hiện tượng địa lí đề đưa ra các lí do.

Trong đề thi thường gặp 3 dạng câu hỏi giải thích nếu dựa vào cách giải: Câu hỏi có mẫu dựa vào nguồn lực, câu hỏi có mẫu dựa vào khái niệm và câu hỏi không có mẫu sẵn.

*a. Câu hỏi có mẫu dựa vào nguồn lực*

Đây là dạng câu hỏi khá phổ biến trong các đề thi trước năm 2015, để trả lời câu hỏi này các em sẽ bám vào các nguồn lực để giải thích các hiện tượng kinh tế-xã hội mà câu hỏi đặt ra.

Về lí thuyết nguồn lực để phát triển kinh tế-xã hội bao gồm: nguồn lực vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên (địa hình, đất, khí hậu, nước, biển, rừng, khoáng sản), nguồn lực kinh tế - xã hội (dân cư, lao động, thị trường, chính sách, cơ sở vật chất kĩ thuật). Các lí do đưa ra để giải thích đều được lấy từ nguồn lực. Tuy nhiên, vấn đề mấu chốt ở chỗ trên cơ sở lí thuyết đã có các em phải vận dụng linh hoạt để trả lời câu hỏi theo yêu cầu. Về nguyên tắc, việc lí giải nên tiến hành tuần tự theo mức độ quan trọng của nguồn lực. Chẳng hạn, liên quan đến nguồn lực tự nhiên khi câu hỏi phải giải thích sự phát triển nông nghiệp thì lí do được phân tích đầu tiên là đất, nước, khí hậu; giải thích sự phát triển công nghiệp thì khoáng sản là yếu tố đặt lên hàng đầu; giải thích sự phát triển ngành thủy sản thì phải tập trung vào 2 yếu tố là mạng lưới sông ngòi và biển...

Tham khảo ví dụ minh họa sau: *Tại sao Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất nước ta?*

Trước hết, cần biết đây là câu hỏi giải thích có cách giải theo mẫu dựa vào nguồn lực. Sau đó, xác định các mối liên hệ giữa các nguồn lực để lí giải vì sao. Đối chiếu với mẫu nguồn lực có thể thấy vị trí địa lí của vùng ít có giá trị, mà chủ yếu là nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế-xã hội. Trong đó, đặc biệt tập trung vào nguồn lực tự nhiên bởi đây chính là nguyên nhân đưa Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất nước ta.

Tham khảo đáp án sau:

- Tự nhiên:

+ Địa hình: Phổ biến dạng địa hình đồi lượn sóng, độ cao trung bình 200-300m, thuận lợi để hình thành vùng chuyên canh cây cao su có qui mô lớn

+ Đất: có 2 loại đất chính: đất đỏ ba zan và đất xám phù sa cổ. Đất đỏ ba zan chiếm 40 % diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu. Đất xám bạc màu ít hơn, tuy nhèo chất dinh dưỡng nhưng thoát nước tốt, phân bố ở Tây Ninh, Bình Phước. Đây là 2 loại đất thích hợp nhất với cây cao su. Mức độ tập trung hóa đất cao cũng là điều kiện để phát triển sản xuất trên qui mô lớn

+ Khí hậu: cận xích đạo gió mùa, ít bão thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển cây cao su. Mùa khô kéo dài cũng là điều kiện thuận lợi cho phơi sấy và bảo quản sản phẩm

+ Nguồn nước: phong phú được cung cấp từ mạng lưới sông Đồng Nai, từ các công trình thủy lợi (Dầu Tiếng, Phước Hòa)

- Kinh tế-xã hội:

+ Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động cao nhất cả nước

+ Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng hoàn thiện và hiện đại

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn, chinh sách có nhiều ưu đãi

*b. Câu hỏi có mẫu dựa vào khái niệm*

Điển hình nhất cho dạng câu hỏi này gắn liền với việc giải thích về các ngành công nghiệp trọng điểm như: *Tại sao các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm nước ta?*

Trước hết, học sinh nhớ lại khái niệm thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm: là ngành có thế mạnh lâu dài, hiệu quả kinh tế-xã hội cao và có tác động mạnh mẽ tới các ngành kinh tế khác. Như vậy, khi câu hỏi yêu cầu giải thích tại sao một ngành được coi là ngành công nghiệp trọng điểm các em sẽ bám vào 3 lí do đã đưa trên.

Tùy theo từng ngành công nghiệp trọng điểm cần có sự chú ý đặc biệt khi phân tích lí do đầu tiên. Thế mạnh lâu dài thực chất là một phần của nguồn lực, nhưng nhớ cần linh hoạt ở chỗ: Nếu là ngành công nghiệp điện lực thì thế mạnh hàng đầu phải là tự nhiên (than, dầu khí, nguồn thủy năng và một số nguồn năng lượng vô tận khác) chứ không nên dập khuôn: khí hậu, địa hình, nước.... Đối với ngành công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm lại tập trung vào nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú (mía, chè, cà phê...) và thị trường tiêu thụ

Có thể tham khảo ví dụ câu hỏi dựa vào mẫu khái niệm: *Tại sao ngành công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?*

Trả lời:

\*Khái niệm: Ngành công nghiệp trọng điểm là ngành có thế mạnh lâu dài, hiệu quả kinh tế-xã hội cao và có tác động mạnh mẽ tới các ngành kinh tế khác

\*Ngành công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm nước ta vì:

• Là ngành có thế mạnh lâu dài:

- Cơ sở nguồn nguyên liệu phong phú, vững chắc:

+ Than: Nguồn than nước ta phong phú như than Antraxit tập trung ở Quảng Ninh với trữ lượng 3 tỉ tấn, than nâu tập trung ở đồng bằng sông Hồng với trữ lượng hàng chục tỉ tấn, than bùn tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long nhất là khu vực U Minh

+ Dầu khí: Tập trung ở các bể trầm tích chứa dầu ngoài thềm lục địa với trữ lượng vài tỉ tấn dầu và hàng trăm tỉ m3 khí. 2 bể trầm tích có trữ lượng và tiềm năng khai thác lớn nhất là Cửu Long và Nam Côn Sơn.

+ Nguồn thủy năng: dồi dào tập trung chủ yếu trên 2 hệ thống sông là sông Hồng (37 %), sông Đồng Nai (19 %)

+ Một số nguồn năng lượng tự nhiên khác như: mặt trời, sức gió, thủy triều...

- Thị trường tiêu thụ rộng lớn

+ Phục vụ cho tất cả các ngành kinh tế

+ Phục vụ đời sống nhân dân

• Là ngành có hiệu quả kinh tế-xã hội cao

- Kinh tế: Đẩy mạnh tốc độ phát triển các ngành kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước

- Xã hội: Nâng cao đời sống nhất là với đồng bào vùng sâu, vùng xa

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường

• Có tác động mạnh mẽ tới các ngành kinh tế khác

Có tác động mạnh mẽ và toàn diện đến các ngành về các mặt: qui mô, kĩ thuật - công nghệ và chất lượng sản phẩm.

c.*Câu hỏi không có mẫu*

Dạng câu hỏi đã xuất hiện trong đề thi THPT quốc gia năm 2015 "*Giải thích tại sao việc khai thác tài nguyên biển - đảo có ý nghĩa chiến lược trong công cuộc phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước"* cái khó của câu hỏi chính là ở chỗ câu trả lời không tuân thủ theo một mẫu có sẵn, bắt buộc học sinh phải tìm cách lí giải sao cho thích hợp. Do cách giải không có mẫu cố định nên không thể hướng dẫn cụ thể như các loại câu hỏi có mẫu. Ở đây chỉ xin gợi ý qui trình giải loại câu hỏi này, gồm 3 bước sau đây:

- Đọc kĩ câu hỏi để xem câu hỏi yêu cầu phải giải thích cái gì. Việc đọc kĩ câu hỏi là tiền đề giúp cho học sinh có được định hướng trả lời.

- Tái hiện kiến thức có liên quan đến yêu cầu câu hỏi, sắp xếp và tìm mối liên hệ giữa chúng với nhau. Đây là bước rất quan trọng nhằm giúp thí sinh có được một dàn bài hợp lí với các ý chính phải trả lời

- Đưa ra các lí do để giải thích theo yêu cầu câu hỏi.

Để thực hiện 3 bước nói trên cần nắm vững kiến thức cơ bản, đồng thời lại phải có sự linh hoạt. Xin nêu 2 ví dụ để minh hoạ (1 về địa lí tự nhiên và 1 về địa lí kinh tế - xã hội) nhằm làm rõ qui trình để giải loại câu hỏi không có mẫu.

Ví dụ câu hỏi về địa lí tự nhiên"*Tại sao nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?*" cần khẳng định rằng đây là câu hỏi không mẫu. Để trả lời, phải tái hiện kiến thức đã học (bài 9 - Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa). Đó là vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc; chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với 2 mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ; các khối khí di chuyển qua biển mang đến cho nước ta lượng mưa lớn. Trên nền kiến thức đã tái hiện làm cơ sở, chúng ta lần lượt đưa ra các lí do để giải thích tại sao nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

Cũng tương tự với quy trình ấy đối với câu hỏi về địa lí kinh tế - xã hội *"Tại sao dân số là một trong những vấn đề đang được quan tâm hàng đầu hiện nay ở nước ta?".* Mấu chốt của câu hỏi là ở cụm từ "vấn đề được quan tâm hàng đầu". Theo quy trình, cần tái hiện kiến thức đã có (bài 16 - Đặc điểm dân số và phân bố dân cư). Các kiến thức cơ bản đó là: đông dân, nhiều thành phần dân tộc; dân số tăng còn nhanh, cơ cấu dân số trẻ; phân bố chưa hợp lí. Trên cơ sở này, có thể đưa ra 3 lí do chủ yếu: đặc điểm dân số của nước ta (đông, tăng còn nhanh, dân số trẻ); đặc điểm phân bố (không đồng đều, chưa hợp lí) và hậu quả to lớn của nó (đối với phát triển kinh tế, xã hội, chất lượng cuộc sống, tài nguyên môi trường)

Như vậy, với câu hỏi giải thích các em cần biết cách khái quát các kiến thức liên quan đến câu hỏi và mối liên hệ của chúng để tìm ra nguyên nhân. Đây là khâu mấu chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bài thi.

**2.3.4. Dạng câu hỏi so sánh**

Dấu hiệu để nhận dạng câu hỏi này ở cụm từ "so sánh". Được đánh giá là loại câu hỏi khó, thường xuất hiện ở các kì thi học sinh giỏi nhiều hơn. Về qui trình cơ bản gồm 3 bước sau:

- Tìm sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng cần phải so sánh

- Xác định các tiêu chí để so sánh: Xác định các tiêu chí để so sánh là bước có ý nghĩa quyết định đến chất lượng bài thi bởi vì trình bày sự giống nhau và khác nhau theo các tiêu chí giúp cho bài làm trở nên mạch lạc và giảm thiểu việc bỏ sót ý. Thực tiễn chỉ ra rằng, nếu bỏ qua bước này bài làm sẽ rất lộn xộn, bỏ sót nhiều ý và kết quả là điểm rất thấp. Trongquá trình làm bài, mặc dù có thể đã nhận dạng được câu hỏi, nhưng do không xác định các tiêu chí để so sánh nên thường rơi vào tình trạng nhớ đến đâu viết đến đấy. Muốn xác định tương đối chính xác các tiêu chí để so sánh, cần phải biết hệ thống và khái quát hoá kiến thức đã học. Rõ ràng, đối với dạng câu hỏi so sánh việc xác định được các tiêu chí có tầm quan trọng đặc biệt.

- "Lấp đầy" các tiêu chí bằng kiến thức đã học: Sau khi định hướng trả lời và xác định được tiêu chí, bước cuối cùng là dùng kiến thức cơ bản đã học để "lấp đầy"các tiêu chí được lựa chọn.

Xin đưa ra ví dụ sau:

Ví dụ 1: *So sánh mạng lưới đô thị giữa 2 vùng: Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?*

Để làm tốt câu hỏi này, học sinh cần có sự hỗ trợ của Atlat địa lí Việt Nam. Bước đầu, tìm điểm giống nhau sau đó xác định các tiêu chí để chỉ ra sự khác biệt về mạng lưới đô thị giữa 2 vùng (số lượng đô thị, qui mô đô thị, phân cấp đô thị, chức năng đô thị). Tham khảo đáp án:

- Giống nhau:

+ Cả 2 vùng có mạng lưới đô thị tương đối dày đặc

+ Có nhiều đô thị có qui mô trung bình và lớn

+ Đều có một số chức năng: hành chính, công nghiệp...

- Khác nhau:

\* Đồng bằng sông Hồng so với đồng bằng sông Cửu Long:

+ Về số lượng đô thị: ít hơn

+ Về qui mô dân số cho mỗi đô thị: lớn hơn (có 2 đô thị trên 1 triệu dân, 10 đô thị có qui mô nhỏ hơn 50 vạn dân)

+ Về phân cấp đô thị: có đầy đủ 5 cấp

+ Chức năng: đa dạng hơn: có Hà Nội - trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị lớn nhất cả nước; có Hải Phòng là thành phố cảng, là trung tâm công nghiệp lớn của miền Bắc

+ Phân bố rộng khắp cả vùng với mật độ dày đặc cả nước

\* Đồng bằng sông Cửu Long so với đồng bằng sông Hồng

+ Số lượng đô thị: nhiều hơn (15 đô thị)

+ Qui mô dân số cho mỗi đô thị nhỏ hơn (đều là đô thị có qui mô dưới 1 triệu dân)

+ Phân cấp đô thị : chỉ có 3 cấp (loại 2,3,4)

+ Chức năng: kém đa dạng hơn: có Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hóa vùng

+ Phân bố không đều: tập trung dày đặc ven sông Tiền, sông Hậu. Rìa đồng bằng dân cư thưa thớt, kinh tế kém phát triển nên mật độ đô thị cũng thưa hơn

Tóm lại, ở dạng câu hỏi này, yêu cầu học sinh sau khi chỉ ra điểm giống nhau, phải xác định các tiêu chí so sánh cho phù hợp với câu hỏi

Như vậy, tôi đã đưa ra một vài kinh nghiệm về việc hướng dẫn học sinh cách nhận dạng và giải loại câu hỏi lí thuyết theo mức độ khó dần về câu hỏi. Qua đó, giúp các em tự tin khi tiếp cận đề thi và đạt được kết quả cao nhất.

**2.4. Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm đối với hoạt động giáo dục, với bản thân, đồng nghiệp và nhà trường**

**2.4.1.Đối với hoạt động giáo dục**

Việc hướng dẫn học sinh lớp 12 cách nhận dạng và giải loại câu hỏi lí thuyết đã mang lại những hiệu quả nhất định. Điều này đã được thể hiện rõ qua kết quả ở 2 lần thi thử lớp 12B2. Ở lần thi thử thứ nhất, học sinh làm đề do trường ra (thời điểm này học sinh còn lúng túng trong cách nhận dạng và giải câu hỏi lí thuyết) và lần thứ 2 thi theo đề chung của Sở (học sinh đã tiếp cận và nắm bắt được kinh nghiệm trên), kết quả như sau:

Ở lần thi thứ nhất:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Đăng kí xét** | | **Số lượng học sinh** | | | | | **ĐTB môn** |
| TN | TN &ĐH | < 5,0 | 5,0 → < 6,0 | 6,0 → < 7,0 | 7,0→ < 8,0 | 8,0 → <=9,0 |
| 12B2 | 39 | 21 | 18 | 8 | 10 | 13 | 7 | 1 | 6,46 |

Ở lần thi thứ hai:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Đăng kí xét** | | **Số lượng học sinh** | | | | | **ĐTB môn** |
| TN | TN &ĐH | < 5,0 | 5,0 → < 6,0 | 6,0 → < 7,0 | 7,0→ < 8,0 | 8,0 → <=9,0 |
| 12B2 | 39 | 21 | 18 | 2 | 4 | 10 | 16 | 8 | 6,90 |

Qua bảng kết quả trên nhận thấy: Số lượng học sinh dưới điểm trung bình giảm (từ 8 em xuống còn 2 em), cùng với đó số lượng học sinh đạt điểm > 8,0 tăng thêm 7 em, điều đó chứng tỏ tính hiệu quả và khả thi của đề tài.

**2.4.2. Đối với bản thân, đồng nghiệp và nhà trường**

Qua đề tài này đã giúp bản thân tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nhất là kinh nghiệm ôn tập cho học sinh khối 12 chuẩn bị tham gia kì thi THPT quốc gia. Đó cũng là nội dung để tổ, nhóm chuyên môn trao đổi trong các buổi sinh hoạt giúp cho đề tài ngày càng hoàn thiện và nhân rộng hơn.

**3. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

**3.1. Kết luận**

Sau khi nghiên cứu và áp dụng đề tài vào công tác dạy học tôi rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

- Việc hướng dẫn học sinh cách nhận dạng và giải loại câu hỏi trong việc ôn tập kì thi THPT quốc gia là rất cần thiết, bởi có nhận dạng đúng các em mới đưa ra được câu trả lời chính xác, kết quả bài thi mới cao

- Khả năng ứng dụng của đề tài là rất tốt, ngoài phục vụ cho việc ôn luyện ra học sinh và giáo viên có thể tham khảo để ôn thi học sinh giỏi lớp 12

- Với hiệu quả của đề tài đã được kiểm chứng, rất mong sự tham khảo và đóng góp ý kiến của đồng nghiệp để tôi hoàn thiện đề tài hơn nữa

**3.2. Kiến nghị**

- Đối với Sở GD & ĐT:

+ Tăng cường tổ chức các đợt tập huấn kiến thức về kì thi THPT quốc gia cho giáo viên các trường THPT trong toàn tỉnh.

+ Nghiên cứu, phát hành các tài liệu liên quan để giáo viên có tư liệu trong quá trình vận dụng vào giảng dạy.

- Đối với nhà trường:

+ Luôn khuyến khích động viên và yêu cầu giáo viên đối với công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ đội ngũ, có những hỗ trợ nhất định đối với hoạt động này.

+ Tổ chức các buổi hội thảo về kì thi THPT quốc gia với sự tham gia của giáo viên và học sinh khối 12 để giúp các em được đối thoại trực tiếp với BGH nhà trường, giáo viên dạy những thắc mắc của mình về kì thi, về kiến thức môn học.

- Đối với bản thân và đồng nghiệp: sẽ tiếp tục áp dụng kinh nghiệm này trong quá trình giảng dạy của mình và trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp trong các buổi sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG | *Thanh Hóa, ngày 25 tháng 05 năm 2016*  Tôi xin cam đoan đây là SKKN của mình viết, không sao chép nội dung của người khác.  **Lê Thị Thanh Ngân** |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hướng dẫn ôn tập kì thi trung học phổ thông quốc gia năm học 2015-2016 môn Địa lí - Đỗ Anh Dũng (chủ biên)

2. Bồi dưỡng năng lực thi trung học phổ thông quốc gia qua đề tham khảo môn Địa lí - Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên)

**MỤC LỤC**

**1. MỞ ĐẦU**...........................................................................................................1

**1.1. Lí do chọn đề tài.**..........................................................................................1

**1.2. Mục đích nghiên cứu**............................................................................... ....1

**1.3. Đối tượng nghiên cứu**............................................................................... ....1

**1.4. Phương pháp nghiên cứu**.............................................................................1

**2. NỘI DUNG SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**..................................................3

**2.1. Cơ sở lí luận của sáng kiến kinh nghiệm**....................................................3

2.1.1. Nội dung chương trình môn Địa lí lớp 12..................................................3

2.1.2. Cấu trúc đề thi THPT quốc gia môn Địa lí..................................................3

2.1.3. Cách phân loại câu hỏi............................................................................ ....4

**2.2. Thực trạng vấn đề trước khi áp dụng sáng kiến kinh nghiệm.**................4

**2.3. Các giải pháp đã sử dụng để giải quyết vấn đề**..........................................5

2.3.1. Dạng câu hỏi thuộc bài................................................................................6

2.3.2. Dạng câu hỏi chứng minh............................................................................7

2.3.3. Dạng câu hỏi giải thích..............................................................................11

2.3.4. Dạng câu hỏi so sánh.................................................................................14

**2.4. Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm đối với hoạt động giáo dục, với bản thân, đồng nghiệp và nhà trường**............................................................16

2.4.1.Đối với hoạt động giáo dục......................................................................15

2.4.2. Đối với bản thân, đồng nghiệp và nhà trường...........................................15

**3. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**............................................................................17

**3.1. Kết luận**.......................................................................................................17

**3.2. Kiến nghị**.....................................................................................................17